

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Đầu tư và Phát triển giáo dục Đà Nẵng

Ngày 30/06/2025	18,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	3.3%	-1.0%	-3.4%

DT thuần Q2/25
268
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 257 2431%
YoY: ▼91.0 -25.3%

LN thuần Q2/25
9.75
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.63 8025%
YoY: ▼2.55 -20.7%

LN sau thuế Q2/25
7.80
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.68 6402%
YoY: ▼1.55 -16.5%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
3.6%
YoY: +/-▲ 2.5%

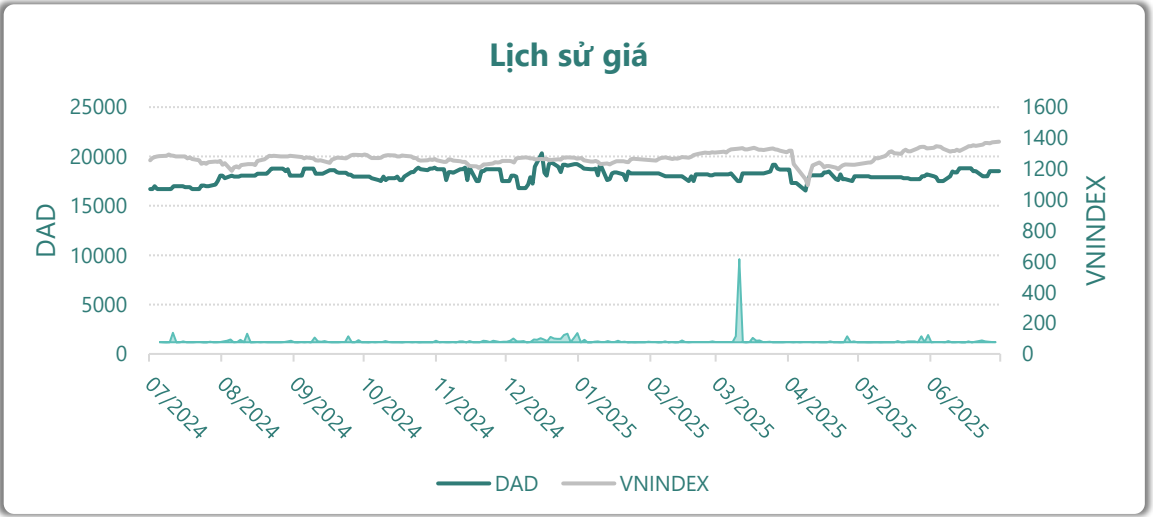
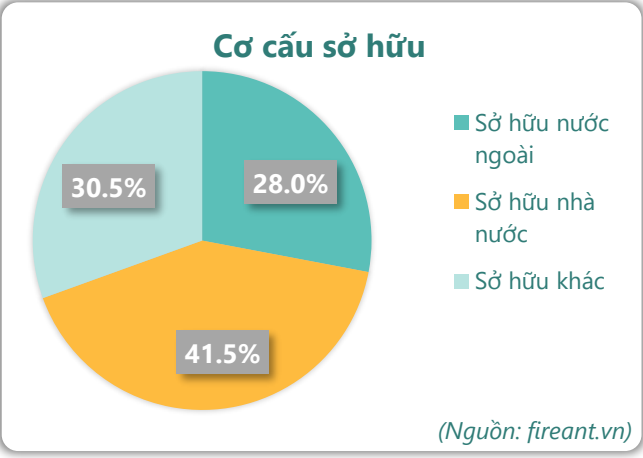
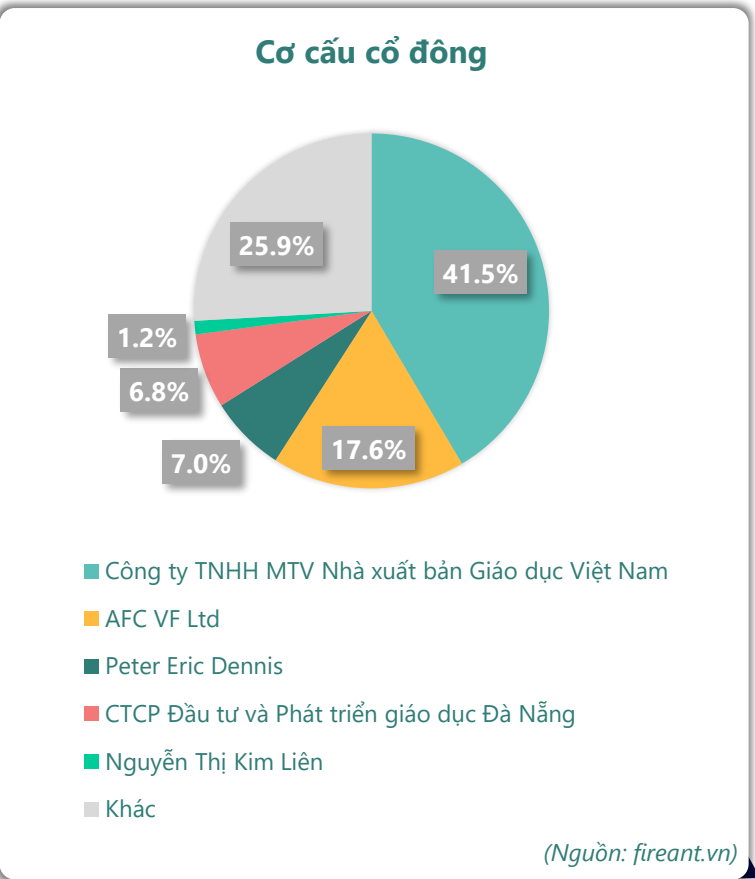
ROE (TTM) Q2/25
9.7%
YoY: +/-▼ 2.2%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	16,550 - 20,325
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	86
Số lượng CPLH (CP)	4,659,200
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,070
Sở hữu nước ngoài	28.0%
Beta	0.07
EPS	2,006
P/E	9.2

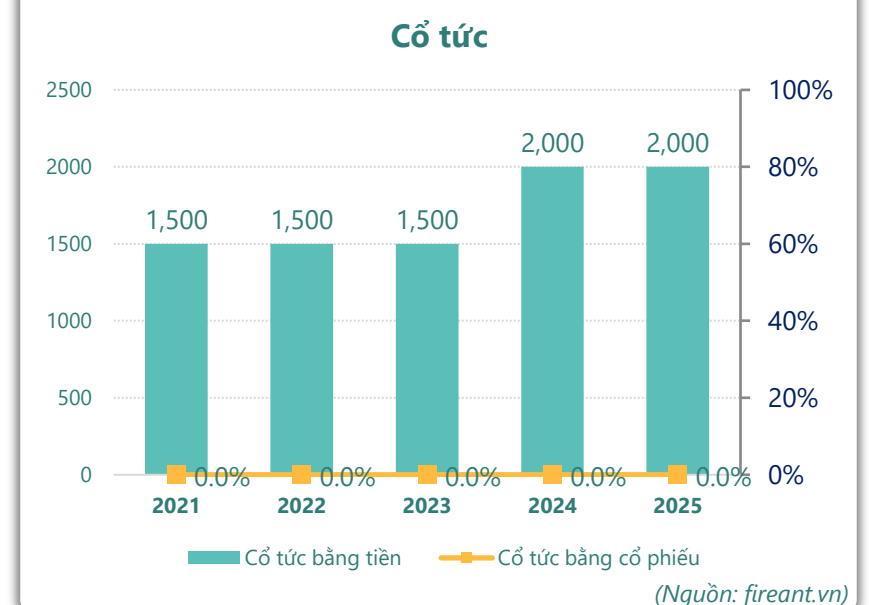
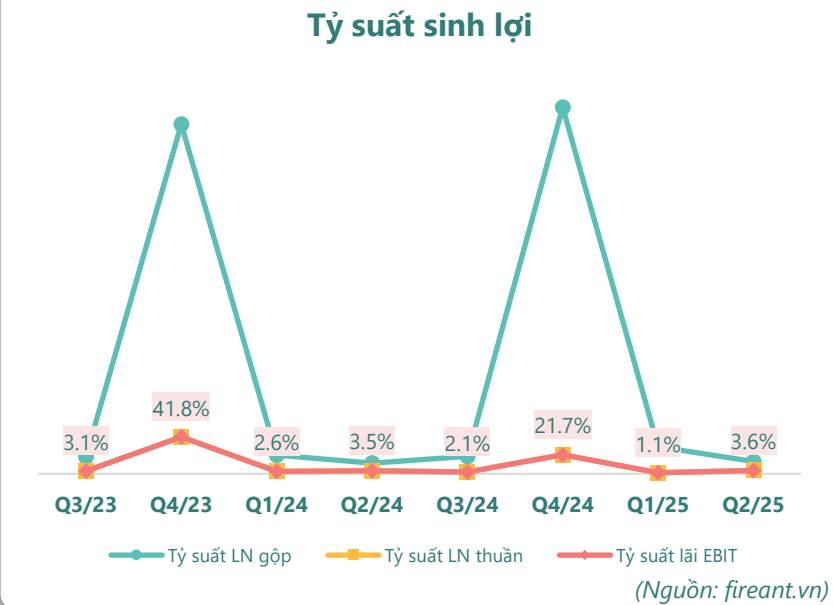
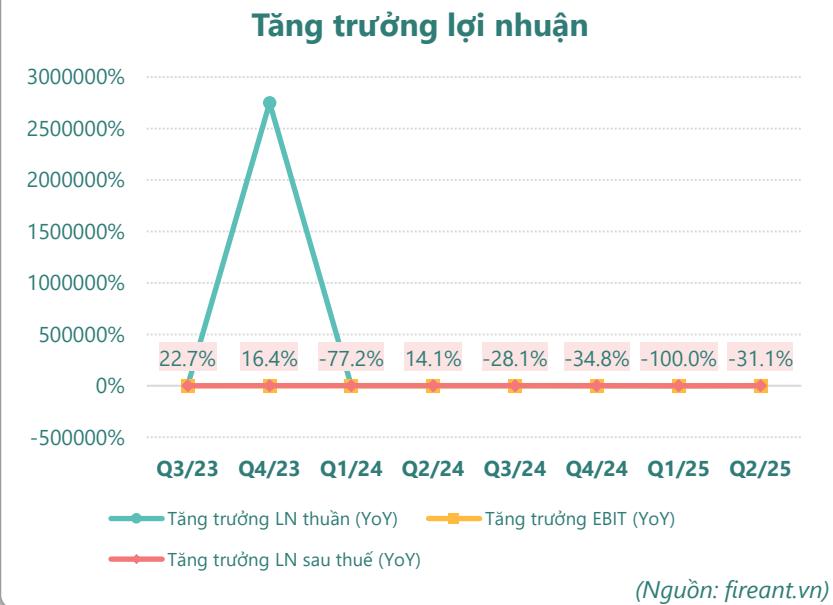
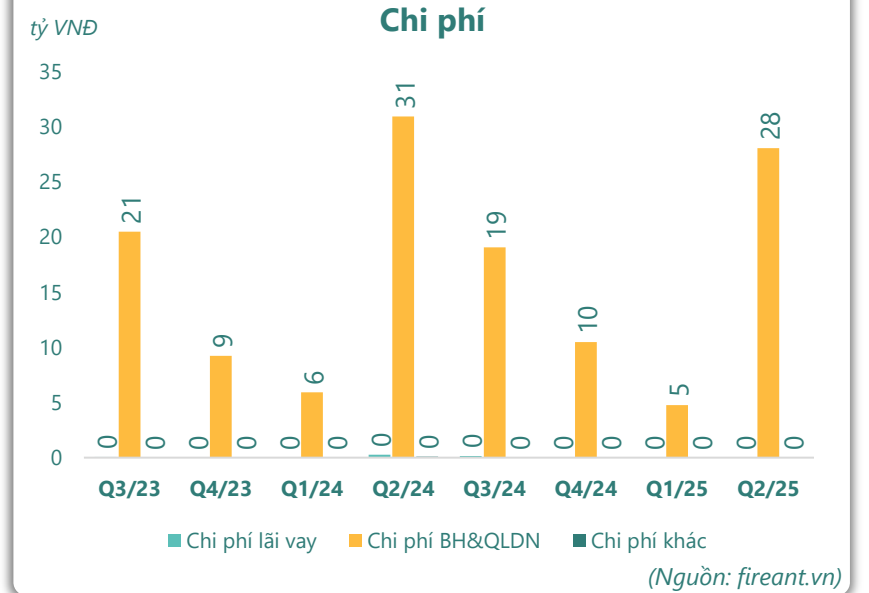
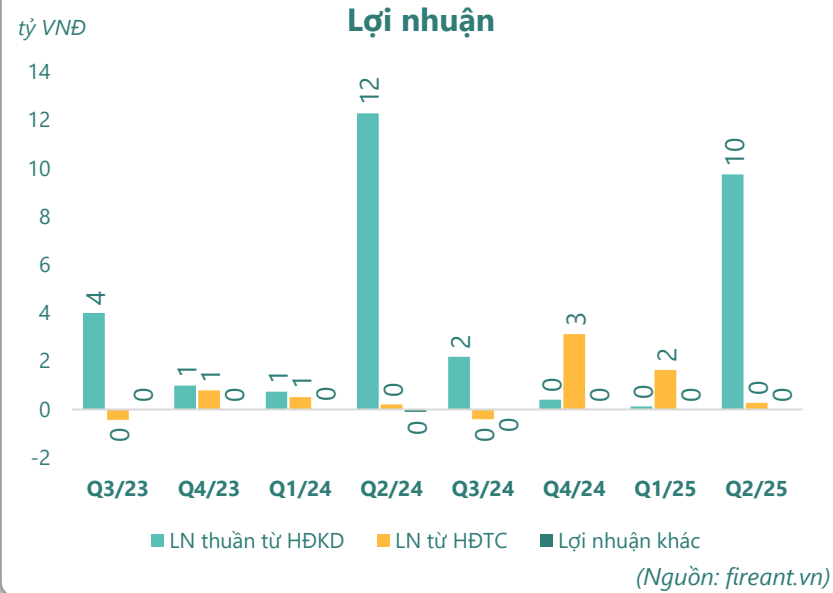
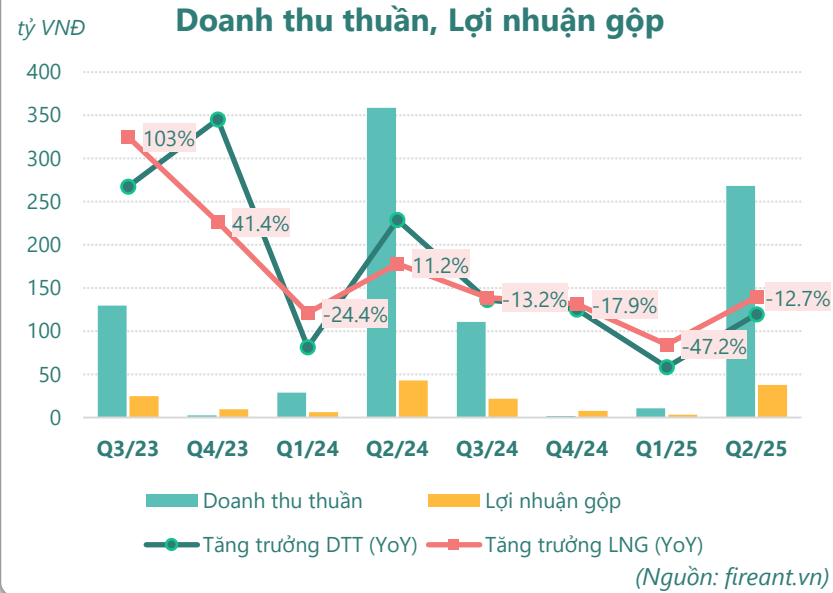
DT thuần 6T 2025
279
tỷ VNĐ
YoY: ▼109 -28.1%

LN thuần 6T 2025
9.87
tỷ VNĐ
YoY: ▼3.13 -24.2%

LN sau thuế 6T 2025
7.92
tỷ VNĐ
YoY: ▼2.08 -20.7%



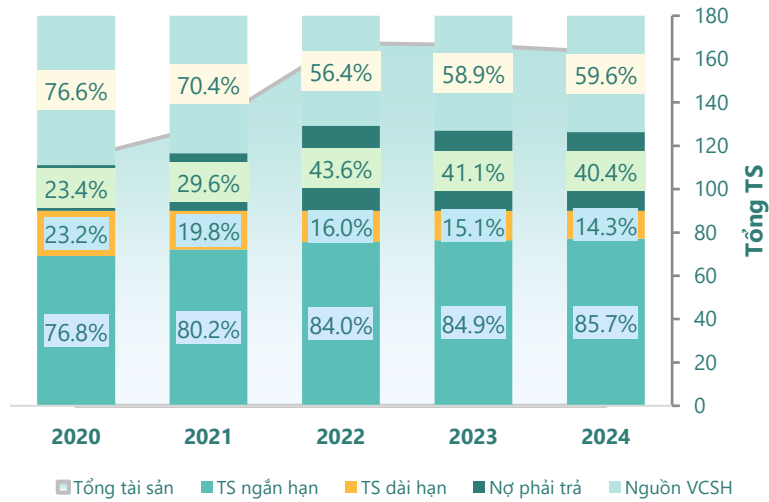
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

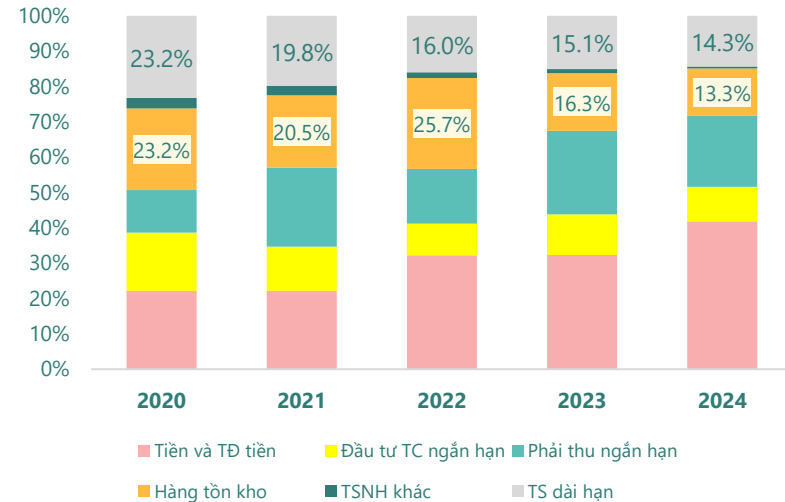
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

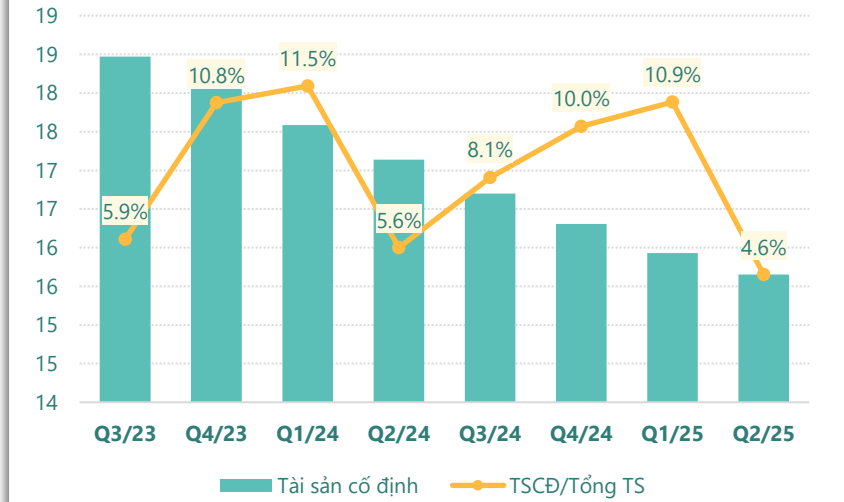
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

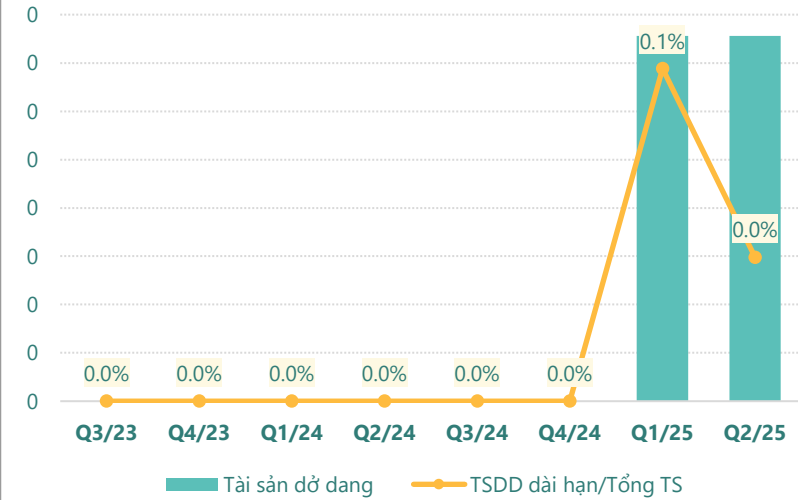
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

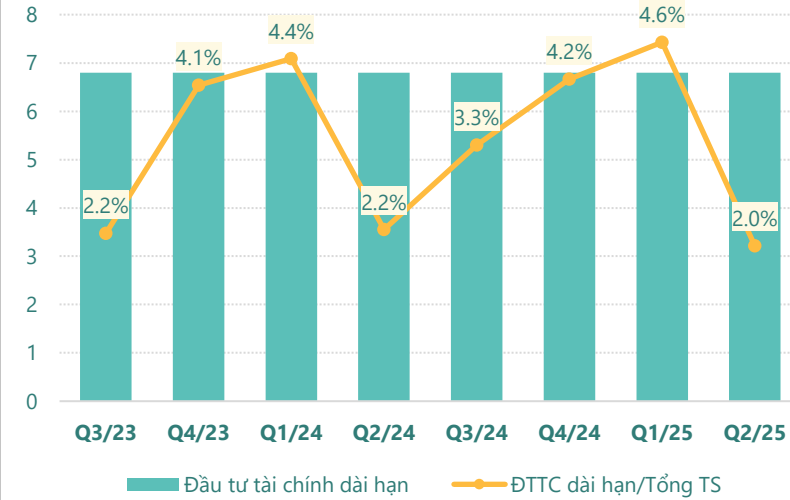
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

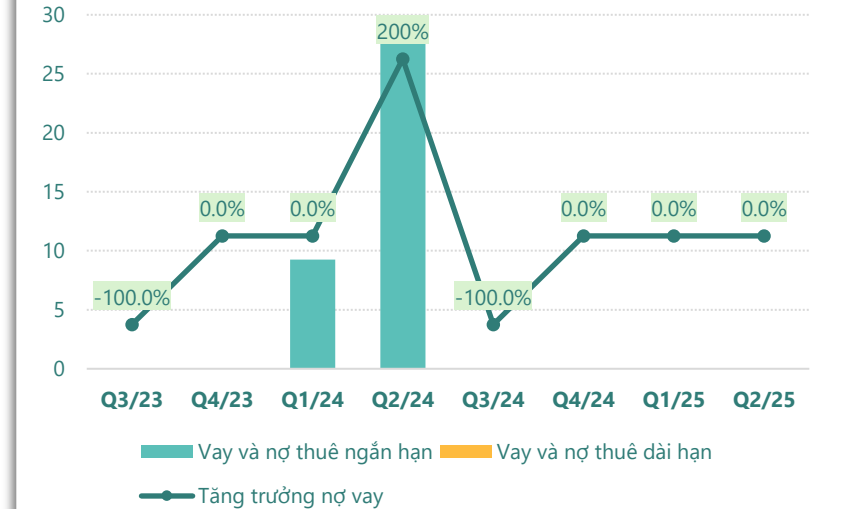
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

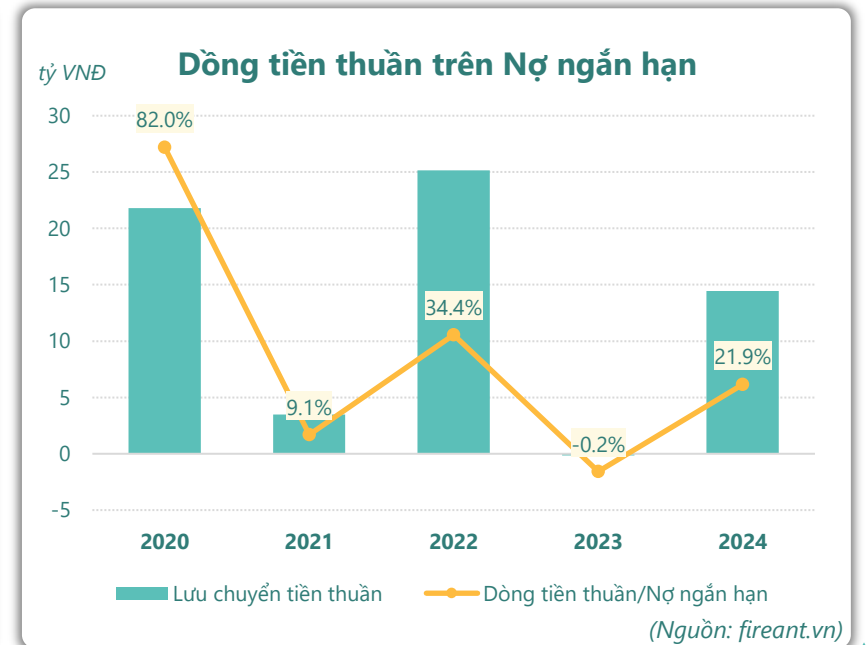
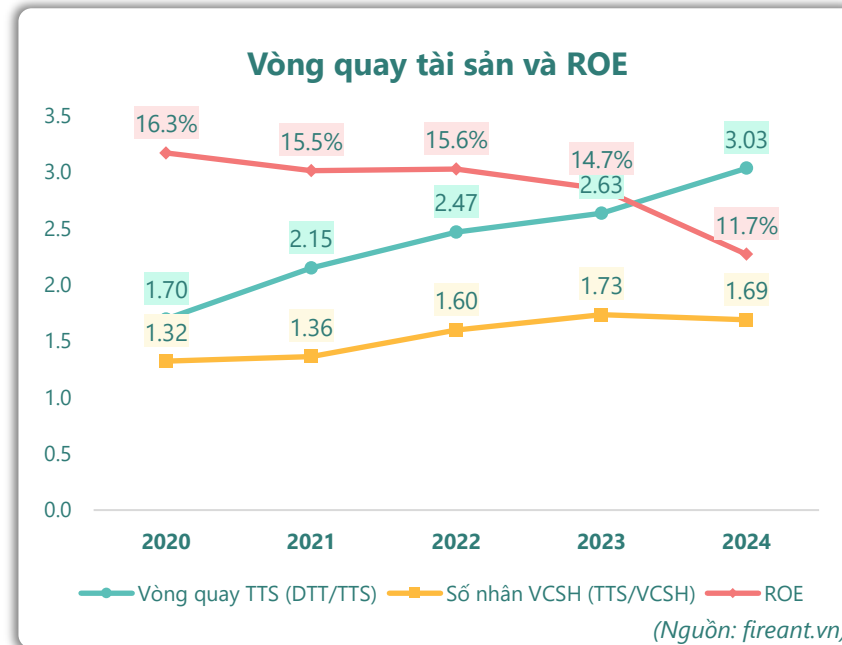
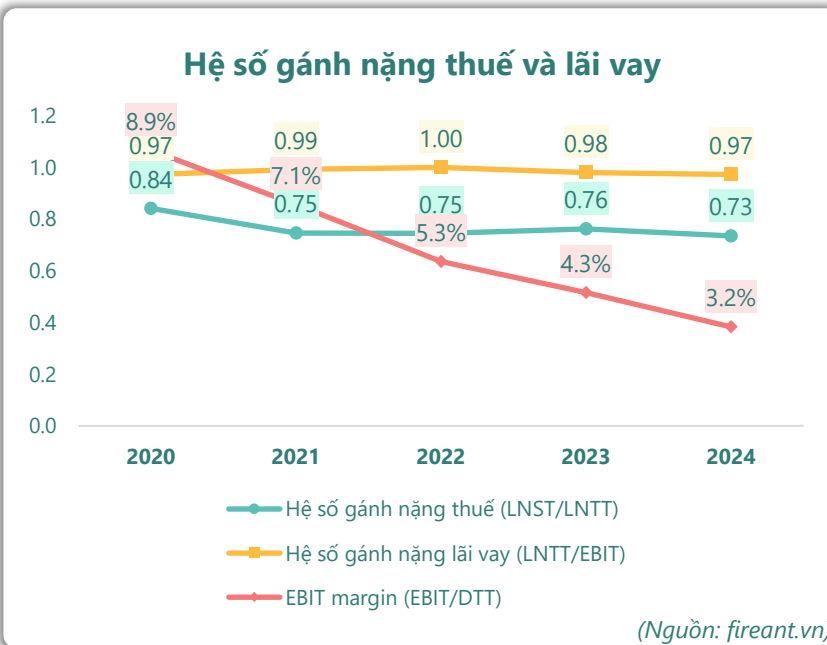
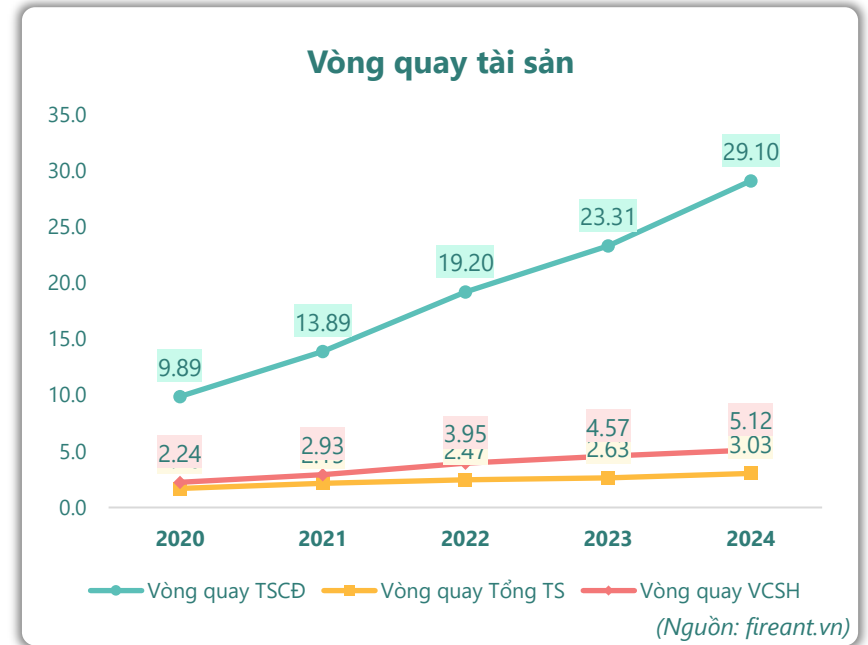
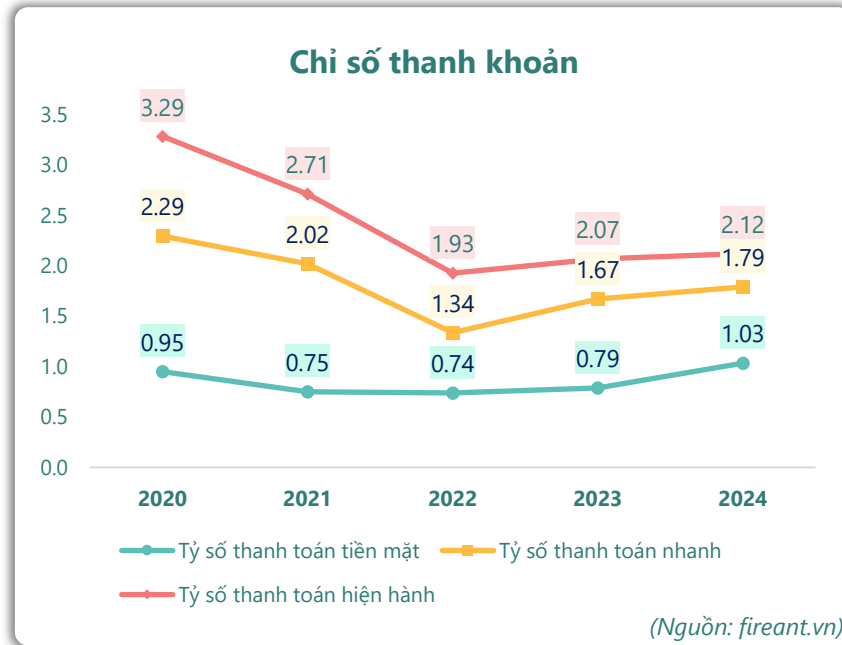
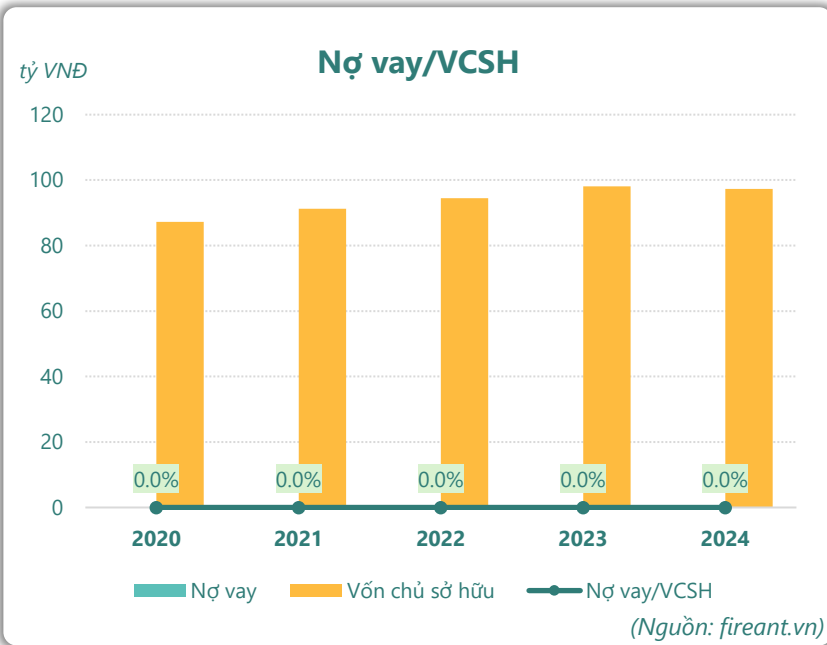
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	268	359	-25.3%	279	388	-28.1%
Giá vốn hàng bán	231	316	-27.0%	238	338	-29.7%
Lợi nhuận gộp	37.6	43.1	-12.8%	40.8	49.2	-17.0%
Doanh thu HĐTC	0.51	0.90	-43.5%	2.15	1.43	50.0%
Chi phí TC	0.23	0.70	-67.0%	0.23	0.72	-67.8%
Chi phí lãi vay	0	0.27	-100%	0	0.29	-100%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	17.2	21.8	-21.1%	19.8	25.0	-20.7%
Chi phí QLDN	10.9	9.16	19.1%	13.1	11.9	9.6%
LN thuần từ HĐKD	9.75	12.3	-20.7%	9.87	13.0	-24.2%
Lợi nhuận khác	0.00	-0.11	100%	0.00	-0.10	100.0%
LN trước thuế	9.75	12.2	-20.1%	9.87	12.9	-23.6%
Lợi nhuận sau thuế	7.80	9.35	-16.5%	7.92	10.00	-20.7%
LNST của CĐ cty mẹ	7.80	9.35	-16.5%	7.92	10.00	-20.7%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-66.2	-15.9	46.8	54.3	-37.0	9.84
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	15.7	-0.98	-10.3	0.24	11.1	-10.3
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	2.27	16.2	-27.8	0	-6.99	-2.33
Tiền đầu kỳ	53.8	5.56	4.94	13.6	68.2	35.4
Lưu chuyển tiền thuần	-48.2	-0.62	8.71	54.6	-32.8	-2.78
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	5.56	4.94	13.6	68.2	35.4	32.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	338	163	107%
Tài sản ngắn hạn	316	140	126%
Tiền và tương đương tiền	32.6	68.2	-52.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	17.1	16.1	6.2%
Phải thu ngắn hạn	228	32.9	593%
Hàng tồn kho	36.4	21.7	67.7%
Tài sản ngắn hạn khác	1.61	0.98	64.4%
Tài sản dài hạn	22.7	23.4	-2.8%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	15.7	16.3	-4.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.08	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	6.80	6.80	0.0%
Tài sản dài hạn khác	0.21	0.29	-26.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	243	66.0	268%
Nợ ngắn hạn	243	66.0	268%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	195	26.2	644%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	95.9	97.3	-1.4%
Vốn chủ sở hữu	95.9	97.3	-1.4%
Vốn điều lệ	50.0	50.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

